TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trường Hận

2. Ông Nguyễn Việt Thắng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 443/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 226/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T** – sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Lý Văn C** – sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa, chị T, anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2019 và đơn yêu cầu ngày 01/7/2019, chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C sống chung năm 2001, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ nhưng không có đăng ký kết hôn. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có hai người con chung là cháu Trần Thị N, sinh ngày 16/02/2001 và cháu Trần Văn L, sinh ngày 15/5/2006. Cháu N đã trưởng thành, có cuộc sống riêng không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với cháu L, hiện cháu

đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc riêng không thể tham dự phiên tòa, chị T yêu có đơn yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt theo quy định; chị vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày không thay đổi.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Lý Văn C đúng theo quy định pháp luật nhưng anh C không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng*:* Bị đơn anh Lý Văn C có nơi trú tại ấp Rạch Cui, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh C, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T là người khởi kiện, anh C là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị T là nguyên đơn, anh C là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên chị có yêu cầu được xét xử vắng mặt. Anh C đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai những vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2001, chị T và anh C sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh C. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung, cháu Trần Thị N, sinh ngày 16/02/2001 và cháu Trần Văn L, sinh ngày 15/5/2006. Cháu N đã trưởng thành, có cuộc sống riêng không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với cháu L, hiện cháu đang sống với chị T, Tòa án có ghi nhận ý kiến cháu L và cháu có nguyện vọng sống với chị T, do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và đúng với quy định của pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của chị T nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, chị có dự nộp 300.000 đồng. Anh C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Lý Văn C.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Lý Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn L, sinh ngày 15/5/2006 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lý Văn C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh Lý Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị có nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003367 ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, chị Trần Thị T không phải nộp tiếp.

Án xử công khai, chị Trần Thị T, anh Lý Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp